TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-6-2019
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước T;
2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thanh T**, sinh năm 1989.
Địa chỉ: số nhà 87, RC, khóm TB, phường AH, thành phố SĐ, tỉnh ĐT.
- Bị đơn: Anh **Lê Huy H**, sinh năm 1989.
Địa chỉ: tổ 23, ấp BM B, xã BT, huyện CL, tỉnh ĐT.
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Phạm Thị Thanh T là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T, anh H tổ chức đám cưới vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường AH, thành phố SĐ, tỉnh ĐT. Chị T là con một và đang làm ở cơ quan gần ba mẹ ruột khoảng 1km nên chị T ở bên nhà cha mẹ ruột để tiện đi làm. Anh H công tác tại thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, những ngày không có ca trực thì chiều anh H về nhà cha mẹ chị T nghỉ, sáng đi làm sớm. Cuối tuần thì vợ chồng về bên nhà chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung

sống hạnh phúc, vui vẻ, anh H cũng rất siêng năng về nhà phụ vợ làm việc nhà. Nhưng sau khi chung sống khoảng 3 năm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc anh H thường xuyên đi cuống rượu với bạn bè, anh H ít quan T đến vợ con. Những lần nhậu say anh H thường hay chạy xe với tốc độ cao làm cho chị T rất lo lắng. Chị T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh H không sửa đổi. Càng ngày tình trạng càng tệ hơn có lúc 5,6 ngày anh H mới về nhà một lần. Có hôm anh H được về sớm hay không có trực thì tụ tập bạn bè đi uống rượu và nói dối chị T là ở bên nhà chồng phụ giúp cha mẹ chồng hoặc đi công tác đột xuất. Anh H không có chính kiến, một ai đó tác động thì anh H lại thay đổi trong công việc cũng như trong chuyện gia đình. Anh H không lo lắng kinh tế và cũng không phụ giúp chị T làm việc gia đình. Vợ chồng ít nói chuyện với nhau vì chỉ nói chuyện được vài câu lại xảy ra cự cãi nên vợ chồng ít quan T, chia sẻ những chuyện trong cuộc sống. Hơn thế nữa, chị T còn phát hiện anh H thường xuyên liên lạc, điện thoại T sự thân mật với một số phụ nữ khác dẫn đến chị mất lòng tin đối với anh.

Chị T đã từng gửi đơn ly hôn vào tháng 3/2018 và được Tòa án giải thích động viên hàn gắn nên anh H hứa sẽ cố gắng thay đổi. Tuy nhiên từ tháng 3/2018 đến nay chị T nhận thấy anh H vẫn giữ thái độ bảo thủ, không thay đổi thậm chí còn lừa dối chị trong vấn đề tiền bạc và nhiều vấn đề khác. Mặc dù hiện nay anh H đã chuyển công tác về gần nhà chị sinh sống tuy nhiên vấn đề mâu thuẫn gia đình vẫn không được cải thiện, anh H không dành thời gian cho gia đình, chăm sóc vợ con. Chị T nhận thấy không còn tình cảm, không còn niềm tin, không muốn tiếp tục chung sống với anh H nữa nên nay chị Phạm Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Huy H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Sỹ Thành, sinh ngày 21/7/2016. Hiện nay con chung đang sống với mẹ. Khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Theo biên bản hòa giải ngày 08/5/2019, anh Lê Huy H là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn cũng như việc vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường AH, thành phố SĐ, tỉnh ĐT. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc có một con chung. Trong cuộc sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, cải vã qua lại. Tuy nhiên anh H cũng có tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện ở chỗ anh H đã xin chuyển công tác về gần bên nhà vợ để vợ chồng sống chung, để gần gũi nhau hơn, để xây dựng hạnh phúc gia đình và cùng nuôi dạy con. Nay anh H còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Sỹ Thành, sinh ngày 21/7/2016. Hiện nay con chung đang sống với mẹ. Khi ly hôn anh H đồng ý giao

con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.
- Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

+ Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);

+ Trích lục khai sinh Lê Sỹ Thành (bản sao);

+ Giấy chứng minh nhân dân Phạm Thị Thanh T và Sổ hộ khẩu (photo);

Các đương sự thống nhất các tài liệu trong hồ sơ là đúng theo biên bản phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 08/5/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị Thanh T có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Lê Huy H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"*.

Anh Lê Huy H là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở tổ 23, ấp BM B, xã BT, huyện CL, tỉnh ĐT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Lê Huy H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự còn lại.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh H tổ chức đám cưới vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường AH, thành phố SĐ, tỉnh ĐT vào ngày 24/4/2014, do đó hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn hòa hợp. Giữa anh chị không không có tiếng nói chung, ít quan T, chia sẻ với nhau về những vấn đề phát sinh trong cuộc sống. Anh H không lo lắng cho cuộc sống gia đình, không quan T chăm sóc vợ con. Mặc dù chị T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh H không sửa đổi. Chị T đã từng gửi đơn ly hôn

vào tháng 3/2018 và được Tòa án giải thích động viên hàn gắn tình cảm tuy nhiên mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng. Chị T nhận thấy không còn tình cảm, không có niềm tin, không muốn tiếp tục chung sống với anh H nên nay chị Phạm Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Huy H. Anh H thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, anh H cũng có tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện ở chỗ anh H đã xin chuyển công tác về gần bên nhà vợ để vợ chồng gần gũi nhau hơn, cùng xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con. Tuy anh H không đồng ý ly hôn nhưng do chị T đã không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống với anh H mà nhất quyết ly hôn, do đó anh H cũng không có biện pháp nào khác để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị T.

- Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung tên Lê Sỹ Thành, sinh ngày 21/7/2016, hiện nay đang sống với chị T. Khi ly hôn anh H đồng giao con chung tên Lê Sỹ Thành, sinh ngày 21/7/2016 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Anh Lê Huy H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T và anh H trình bày không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

** Về trách nhiệm chịu án phí:*

Chị Phạm Thị Thanh T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Thanh T.

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh T được ly hôn với anh Lê Huy H.

- Về con chung: Chị Phạm Thị Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Sỹ Thành, sinh ngày 21/7/2016. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Anh Lê Huy H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006405 ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND phường An Hòa, Tp Sa Đéc;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Nhã Quyên